

Bản án số 236/2026/HS-PT

Ngày 13/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Phạm Trung Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thùy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nghiêm Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 7, 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 742/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H.

Do có kháng cáo của các bị cáo: T, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11, TP ..

Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***/Bị cáo kháng cáo:**

1. Trần S, sinh ngày 06/11/1996 tại tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số F L, tổ dân phố G, xã K, tỉnh Gia Lai (cũ thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai); Nơi ở hiện nay: Số C Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S1 (chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ Nguyễn Thị T1 (đã ly hôn); có hai con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 06/2023/HSST ngày 09/02/2023 của Toà án nhân dân huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Đặc điểm nhân thân: Bản án số 236/2024/HSST ngày 09-08-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù ngày 13/08/2025.

Bị cáo bị bắt ngày 01/12/2023, đến ngày 28/5/2024 thay đổi biện pháp tạm giam bởi Quyết định về việc bảo lãnh số 67/QĐ-VKSVT ngày 28/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho gia đình bảo lãnh.

Bị cáo tại ngoại – (có mặt).

2. Phạm Thanh L, sinh ngày 30/07/2000 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn C, xã B, Thành phố Hà Nội (cũ xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội); Nơi ở hiện nay: Số E P, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Đặng Thị H2; Tiền sự - Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 01/12/2023 đến ngày 26/4/2024 thay đổi biện pháp tạm giam bởi Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 51/VKS-KSĐT ngày 26/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu cho gia đình bảo lãnh.

Bị cáo tại ngoại – (có mặt).

3. Lê Văn N, sinh ngày 01/10/1994 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: N, thôn Đ, xã Q, Thành phố Hà Nội (cũ xã Đ, huyện B, Thành phố Hà Nội); Nơi ở hiện nay: Số A H, phường T, TP .; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị D; Tiền sự - Tiền án: không.

Bị bắt ngày 10/01/2024 đến ngày 26/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn, bởi Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 50/VKS-KSĐT ngày 26/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho gia đình bảo lãnh

Bị cáo tại ngoại – (có mặt).

4. Lê Mạnh H, sinh ngày 24/04/1999 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số A, thôn Đ, xã Q, Thành phố Hà Nội (cũ xã Đ, huyện B, Thành phố Hà Nội); Nơi ở hiện nay: Số F L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T3 và bà Trần Thị H3; vợ Bùi Thị D1; Tiền sự - Tiền án: không;

Biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 595/LC-ĐCSHS ngày 24-04-2024.

Bị cáo tại ngoại – (có mặt).

+*Người bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh H: Luật sư Hoàng Sỹ T4 - Đoàn Luật sư Thành phố H – (có mặt).*

**/ Người Bị hại:* Ông Nguyễn Huy H4, sinh năm 1997 – Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (mới xã T, tỉnh Quảng Ninh – (vắng mặt).

**/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Minh Q, sinh năm 1983 – Địa chỉ: H T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Lương Văn T5, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Tổ C, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lương Văn T5: Luật sư Lê Cao L1 – Đoàn luật sư tỉnh Q – (vắng mặt).

**/Người làm chứng:* Bà Trương Thị L2, sinh năm 1997 – Địa chỉ: Số C H, phường T, TP . (vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Mạnh H là chủ quán B1 tại số A T, Phường G, TP .. Lê Văn N là người phụ quán.

Khoảng 22 giờ 12 phút ngày 17/06/2023 Đỗ Minh Q, Lương Văn T5, Nguyễn Huy H4 cùng cháu Đỗ Thành V là con của Q đến quán của H để ăn uống.

Thấy nhóm của Q đến, L ra nói với Q là quán đã nghỉ bán vì đã trễ. Tuy nhiên, H nói quán vẫn bán và gọi nhân viên Trương Thị L2 ra phục vụ nhóm của Q tại bàn đối diện với H, L, N đang nhậu.

Trong lúc ăn uống, Q thấy khó chịu về cách cư xử của L trước đó nên Q và T5 đến bàn của L nói chuyện, hai bên mâu thuẫn dẫn đến Q và T5 cãi nhau với L, thì H đến can ngăn, H xin lỗi các anh Q, T5 và yêu cầu L phải xin lỗi. Nhóm của Q về bàn của mình tiếp tục nhậu, L đi ra xin lỗi bàn anh Q rồi rời đi. Trong lúc nhậu, nhóm của Q tiếp tục có lời lẽ khiêu khích “đòi dẹp quán”, nên H tiếp tục đi qua nói chuyện giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, S điều khiển xe máy đi cùng với T6 (chưa xác định được nhân thân); Xuân B điều khiển xe máy đi cùng với một đối tượng (chưa xác định được nhân thân) đến quán.

Sau đó, L, S, N, T6, Xuân B và bạn của B đi đến bàn nhóm Q đang ngồi nói qua lại và cả hai nhóm xông vào đánh nhau.

S, L, Xuân B và bạn của B dùng tay chân đánh T5; N và T6 dùng tay chân đánh Q. Nhóm của Q bỏ chạy thì S cầm ly thủy tinh, chai bia; L cầm chén; N tay không cùng đuổi theo ném hung khí về phía nhóm của Q.

Khoảng 05 phút sau thì H4 đi bộ quay lại quán và có lời lẽ thách thức, lúc này H chạy vào nhà lấy một gậy bóng chày đánh vào lưng của H4 gây thương tích. Khi L đến can ngăn thì tất cả bỏ đi. Chiếc gậy bóng chày H vứt tại khu vực công trình xây dựng tại thị xã P, tỉnh BRVT nên không thu giữ được.

Kết luận giám định về tỷ lệ tổn thương cơ thể:

Bản kết luận giám định số 310/KLTTCT-PYBRVT ngày 31/07/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: Đỗ Minh Q bị thương tích ở vùng đuôi cung mày mắt phải, sây sát da vùng thắt lưng phải, sây sát da khuỷu tay phải, sây sát da trước gối phải; tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%, hình thành do sự tác động của vật rắn tày, tác động với lực mạnh vào vị trí thương tích.

Bản kết luận giám định số 317/KLTTCT-PYBRVT ngày 02/08/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: Nguyễn Huy H4 bị thương tích ở vùng giữa trán (01%), vùng giữa đỉnh đầu (01%) và tay trái (không có thương tích nên không nhận định); tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%, hình thành do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày, tác động với lực mạnh.

Bản kết luận giám định số 181/KLTTCT-PVPYQG ngày 25/10/2023 của Phân viện pháp y tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Lương Văn T5 đa thương tích ở vùng đỉnh cằm, vai phải, khuỷu tay trái, gối phải, đùi trái; tỷ lệ tổn thương cơ thể là 7%, hình thành do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra.

Kết luận đánh giá an ninh trật tự: Biên bản họp đánh giá tình hình an ninh trật tự của Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố V ngày 11/07/2023 kết luận: Vụ việc xảy ra gây mất an ninh trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân xung quanh và người dân đi đường.

Đối với thương tích của Đỗ Minh Q và Lương Văn T5: Kết luận giám định xác định anh Q và anh T5 bị thương do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày (anh Q) và vật sắc (anh T5). Lê Mạnh H không yêu cầu đồng bọn sử dụng hung khí để đánh gây thương tích cho nhóm của anh Đỗ Minh Q, các đối tượng khi đến quán cũng không mang theo hung khí. Việc các đối tượng tự ý sử dụng ly thủy tinh, chai bia để ném và gây thương tích cho anh Đỗ Minh Q và Lương Văn T5 là nằm ngoài ý thức chủ quan của H nên không đủ cơ sở buộc H chịu trách nhiệm đối với các thương tích này. Anh Q và anh T5 cũng không xác định được thương tích của mình do ai gây ra; trong đó S, L, N chỉ sử dụng tay, chân tác động trực tiếp vào người anh Q và anh T5, không sử dụng hung khí.

Cơ quan điều tra xác định chưa có căn cứ xử lý Lê Mạnh H, T, Phạm Thanh L, Lê Văn N đối với hành vi gây ra thương tích cho anh Q và anh T5, nên ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101,102,105 ngày 25/04/2024 xử phạt Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N mức phạt tiền 4.000.000 đồng một người về hành vi cố ý gây thương tích.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Huy H4 hình thành do sự tác động của vật rắn tày, tác động với lực mạnh; thương tích này do H dùng gậy bóng chày gây ra sau khi vụ việc đã kết thúc khoảng 05 phút và H4 đến thách thức H, không liên quan đến các bị can còn lại. Do đó, việc H dùng hung khí đánh anh

Nguyễn Huy H4 nằm ngoài ý muốn của Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, nên Cơ quan điều tra xác định chưa có căn cứ xử lý T, Phạm Thanh L, Lê Văn N với vai trò đồng phạm cùng Lê Mạnh H về tội “Cố ý gây thương tích” đối với thương tích của anh Nguyễn Huy H4. Các đối tượng T6, Xuân B, một người bạn của Xuân B do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật. Đối với Đỗ Minh Q, Lương Văn T5, Nguyễn Huy H4 do không thực hiện hành vi gì đối với nhóm của H, khi bị nhóm của H đánh chỉ bỏ chạy, nên Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bản cáo trạng số 205/CT-VKSVT ngày 28/05/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu (nay Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố Lê Mạnh H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; truy tố Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành các Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu yêu cầu điều tra bổ sung những nội dung còn mâu thuẫn, làm rõ trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan trong vụ án. Công văn số 353/CV-VKSVT ngày 30/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung Cáo trạng số 205/CT-VKSVT ngày 28/05/2024; đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 155, Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ tội “Cố ý gây thương tích” đối với hành vi gây thương tích mà bị cáo Lê Mạnh H gây ra cho anh Nguyễn Huy H4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 2%. Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam; xử phạt bị cáo L, N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi gây rối trật tự công cộng, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo H, L đều xác định không gọi điện cho bị cáo S đến quán, H và L cũng không biết ai đã gọi điện cho bị cáo S yêu cầu đến quán.

Trong các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai của bị cáo L tại Công an P, Thành phố V; L tự khai nhận sau khi mâu thuẫn với nhóm của bị hại, H yêu cầu

L xin lỗi anh Đỗ Minh Q; sau đó L nhắn cho N ra quán có mấy người đến quây anh ra hỗ trợ, gọi cho hai người bạn nhậu và S đi xe nhãn hiệu SH màu ghi xám đến chở L về.

Tại Biên bản hỏi cung ngày 05/12/2023, L khai do H yêu cầu nên có gọi điện cho N đến hỗ trợ.

Tuy nhiên tại Biên bản hỏi cung ngày 04/01/2024 và tại phiên tòa L khai không gọi cho S, không nhắn và không điện thoại cho N, vì thực tế khi xảy ra vụ việc N đang phụ quán cho H. Liêm xác định những lời khai tại Công an P và tại Cơ quan điều tra đã khai nhận mình là người gọi cho S và N vì nghĩ do lỗi của mình là người đầu tiên gây ra mâu thuẫn với nhóm của bị hại nên mới tự khai nhận như vậy.

Nội dung tại các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung tại Cơ quan điều tra; bị cáo H đã khai nhận mình là người gọi cho S đến quán.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra bổ sung và tại phiên tòa, bị cáo H xác định những lời khai tại Cơ quan điều tra bị cáo tự nhận mình là người gọi cho S2 đến quán vì nghĩ mình là chủ quán nên phải nhận để đứng ra chịu trách nhiệm giải quyết vụ việc, nhưng sau đó H đã sao kê dịch vụ số điện thoại sử dụng xác định H không hề gọi cho S vào tối ngày 17/06/2023.

Nội dung tại các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung tại Cơ quan điều tra; bị cáo S đã khai nhận vào tối ngày 17/06/2023, H sử dụng số điện thoại 0797083333 trực tiếp gọi điện thoại cho S qua số điện thoại 0973901347. Tại Biên bản hỏi cung ngày 01/03/2024, S lại khai không nhớ H gọi điện thoại trực tiếp hay qua ứng dụng zalo.

Quá trình điều tra bổ sung thực hiện đối chất giữa H với S và tại phiên tòa thì S khai H gọi S qua ứng dụng zalo vào khoảng hơn 22 giờ ngày 17/06/2023, nhưng S lại xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc S cho vay lãi nặng, sử dụng rất nhiều số điện thoại nên không nhớ đã sử dụng số điện thoại nào đăng ký zalo.

Người bào chữa cho bị cáo H đồng ý kiến của Viện kiểm sát về việc đề nghị đình chỉ xét xử tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo H.

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những nội dung sau: Căn cứ lời khai của các bị cáo H, L cũng như kết quả điều tra chi tiết dữ liệu dịch vụ viễn thông đã có chứng cứ chứng minh số điện thoại 0797083333 bị cáo H đăng ký sử dụng không gọi cho số điện thoại 0973901347 bị cáo S đăng ký sử dụng. Trong khi đó lời khai ban đầu của bị cáo L tự khai nhận tại Công an P, thành phố V là chính L gọi cho S. Số 0896483555 bị cáo H sử dụng từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023 không có thông tin về chi tiết gọi đi của thuê bao. Vì vậy, việc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát kết luận H gọi cho S là không đúng sự thật khách quan. Nguyên nhân mâu thuẫn với nhóm của bị hại xuất phát từ bị cáo L.

Tại phiên tòa ngày 29/04/2025, bị cáo L thừa nhận cầm chén và S thừa nhận dùng chai bia ném T5 nhưng Cáo trạng của Viện kiểm sát lại kết luận

thương tích của anh Đỗ Minh Q, Lương Văn T5 không xác định được do ai gây ra. Cáo trạng cũng kết luận: Các đối tượng khi đến quán tự ý sử dụng ly, chai bia ném gây thương tích cho anh Đỗ Minh Q, Lương Văn T5 là bột phát, nằm ngoài ý thức chủ quan của H, không đủ cơ sở buộc H chịu trách nhiệm đối với các thương tích này. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay ý kiến luận tội của Viện kiểm sát cho rằng H dùng tay đánh T5 là động lực thúc đẩy các bị cáo khác đánh theo và kết luận H có vai trò chủ mưu, cầm đầu là không đúng với bản chất vụ việc và hành vi bị cáo H thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H mức án dưới khung và cho hưởng án treo đối với bị cáo H. Bị cáo H đồng ý nội dung bào chữa của Luật sư, không bổ sung ý kiến gì tự bào chữa về hành vi phạm tội, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho hưởng án treo.

*/Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh; Đã quyết định và tuyên xử:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 155, Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; đình chỉ xét xử tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với bị cáo Lê Mạnh H.

+Tuyên bố: Các bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Trần S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến ngày 28/05/2024.

+Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phạm Thanh L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến ngày 26/04/2024.

Xử phạt Lê Văn N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/04/2024.

+Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt Lê Mạnh H 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/09/2025.

Giao bị cáo Lê Mạnh H cho Ủy ban nhân dân phường V, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

*/Về xử lý vật chứng: 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh đánh nhau vào ngày 17/06/2023 tại trước quán B1 số A T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công an phường P cung cấp; 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh đánh nhau vào ngày 17/06/2023 tại trước quán B1 số A T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông Dương Văn T7 cung cấp tiếp tục được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*/Ngày 01/10/2025, 02/10/2025, 13/10/2025, bị cáo Lê Văn N, Phạm Thanh L, Trần S, Lê Mạnh H có đơn kháng cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

+Bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt tù cho hưởng án treo, giảm thời gian thử thách.

+Bị cáo N kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, vì là lao động chính, nuôi mẹ già và 3 con nhỏ ăn học, vợ không có việc làm ổn định.

+Bị cáo L kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, vì là lao động chính, nuôi bố bị ung thư.

+Bị cáo S kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, vì là lao động chính, nuôi mẹ già, 2 con nhỏ, ông N1 là người có công với cách mạng.

*/Ngày 14/10/2025, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11, TP . ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV11, quyết định: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh, về phần hình phạt đối với Lê Mạnh H. Đề nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm, không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không cho bị cáo Lê Mạnh H được hưởng án treo và tăng hình phạt đối với bị cáo H.

*/Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Sĩ X rút toàn bộ kháng cáo. Các Bị cáo H, L, N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để làm căn cứ cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị: Tăng hình phạt đối với bị cáo H và không cho hưởng án treo.

+Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và mức án đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

Đối với kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV11, thì thấy: Bị cáo H là chủ quán và đã cùng nhân viên của mình L, N đánh nhóm bị hại, bị cáo H dùng hung khí đánh do đó xử bị cáo H có mức án cao hơn bị cáo L, N mới phù hợp tính chất mức độ hình vi phạm tội (là 2 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù); Tòa án cấp sơ thẩm cho Bị cáo H được hưởng án treo là không phù hợp quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Chấp nhận một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tăng hình phạt đối bị cáo H là 2 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù, không cho hưởng án treo, giữ nguyên mức án tù 2 năm tù đối với bị cáo N, L. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Sĩ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng:

+Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng hình sự quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+Sự vắng mặt của bị hại và người liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, bị hại và người liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của bị hại, người liên quan, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Bị cáo Trần Sĩ X rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy bị cáo S rút kháng cáo là tự nguyện, căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Sĩ . (Bị cáo Trần S phải chịu hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến ngày 28/05/2024, như bản án sơ thẩm đã tuyên)

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

[2.1]. Về tội danh “Cố ý gây thương tích”:

Khoảng 23 giờ 05 phút ngày 17/06/2023, tại số nhà A T, phường G, thành phố V, bị cáo H đã thực hiện hành vi sử dụng gậy bóng chày đánh vào vùng lưng anh Nguyễn Huy H4. Ngày 30/06/2023, bị hại Nguyễn Huy H4 có Đơn yêu

cầu khởi tố vụ án hình sự. Ngày 26/09/2025, bị hại Nguyễn Huy H4 có đơn rút yêu cầu khởi tố, truy tố, xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo Lê Mạnh H về hành vi cố ý gây thương tích đối với Nguyễn Huy H4. Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với Lê Mạnh H. Căn cứ Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự và nội dung hướng dẫn tại Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với hành vi do bị cáo H thực hiện gây thương tích cho anh Nguyễn Huy H4. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với hành vi do bị cáo H thực hiện gây thương tích cho anh Nguyễn Huy H4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về tội danh “Gây rối trật tự công cộng”:

Khoảng 23 giờ ngày 17/06/2023, tại số nhà A T, phường T, TP .. Các bị cáo S, L, N, H cùng các đối tượng liên quan trong vụ án đã thực hiện hành vi dùng tay, chân, gậy và sử dụng chai bia, ly thủy tinh, chén bát đuổi theo ném, đánh anh Đỗ Minh Q, Nguyễn Huy H4, Lương Văn T5. Hành vi của các bị cáo S, L, N, H đã thực hiện cùng các đối tượng liên quan trong vụ án đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của nhân dân tại khu phố. Vì vậy, hành vi các bị cáo S, L, N, H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt: dùng hung khí.

[3]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án đối với tội danh “Gây rối trật tự công cộng”:

Các bị cáo cùng các đối tượng liên quan trong vụ án khi thực hiện hành vi phạm tội chỉ mang tính chất bộc phát nhất thời, không có sự cấu kết chặt chẽ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, mỗi bị cáo đi đến bàn của nhóm bị hại theo nhiều hướng khác nhau, trước đó các bị cáo không gặp nhau, không bàn bạc thống nhất trước việc thực hiện hành vi phạm tội, không có bị cáo nào chuẩn bị trước hung khí, khi đánh nhóm bị hại cũng không thấy bị cáo nào cầm hung khí. Vì vậy, hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện cùng các đối tượng liên quan trong vụ án chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Căn cứ Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số 15/PC-CAP của Công an P, thành phố V, Văn bản số 1762/CQĐT –Đ2 ngày 08/07/2023 của Công an thành phố V; Biên bản họp đánh giá tình hình an ninh trật tự của Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 11/07/2023 ghi nhận nội dung vụ việc: Quá trình các đối tượng Đỗ Minh Q, Lương Văn T5, Nguyễn Huy H4 nhậu tại quán thì xảy ra xích mích, mâu thuẫn với Phạm Thanh L. L gọi điện thoại cho N, S. Căn cứ nội dung video trong 01 đĩa DVD do Công an phường P cung cấp và 01 đĩa DVD do ông Dương Văn T7 cung cấp xác định: Sĩ, L, Xuân B và bạn Xuân B dùng tay đánh T5; N và T6 dùng tay, chân đánh Q. Khi nhóm bị hại bỏ chạy thì L cầm chén, S cầm chai bia ném theo.

*/Vai trò của các bị cáo được xác định như sau:

+*Bị cáo Liêm*: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn với nhóm của bị hại là do bị cáo L. L không phải chủ quán nhưng khi nhóm của bị hại đến quán L lại tự ý nói với họ quán nghỉ không bán nữa dẫn đến việc sau đó Q và T5 cãi nhau với L. Sau đó chị L2 có nhắn vào máy anh H5 quản lý nhắc đừng cho anh L về một mình không là các anh ngồi ngoài bàn này đánh anh L, vì chị nghe nhóm bị hại gọi thêm người ra. Chị L2 thấy L có đi ra xin lỗi bàn anh Q rồi rời đi. Một lúc sau chị L2 thấy 04 nam thanh niên là bạn của L đến đứng trước quán. Chị L2 thấy *anh T5 ném chén bát về phía 04 người bạn anh L đang đứng*, sau đó 04 người bạn anh L xông vào bàn anh Q đánh nhau (chị L2 khai biết 04 nam thanh niên là bạn của L vì quá trình làm việc tại quán chị thấy 04 người này thường đến quán nhậu cùng anh L). Liêm rời khỏi quán nhưng liền quay lại và tham gia cùng với S, N, T6, Xuân B, bạn của B xông vào đánh luôn nhóm bị hại. Bị cáo L là người mâu thuẫn trực tiếp với nhóm bị hại, trực tiếp dùng chân đá anh T5, sử dụng chai bia, chén ném về phía anh T5 lúc bỏ chạy.

+*Bị cáo S*: Khi bị cáo S cùng các đối tượng T6, Xuân B, bạn của B đến trước khu vực quán; bị cáo S không trực tiếp gặp các bị cáo H, L, N mà đi thẳng đến bàn nhóm bị hại, rồi xông vào đánh luôn nhóm Q, H4, T5. Vì vậy, có căn cứ xác định bị cáo S đã biết trước mục đích đến quán chính là để hỗ trợ bị cáo L đánh nhóm của bị hại. Trước khi đến quán, S còn rủ thêm các đối tượng T6, Xuân B, bạn của B đi cùng, nên xác định bị cáo S có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, tự ý rủ thêm đồng bọn, trực tiếp dùng tay, chân đánh anh T5, khi anh T5 bỏ chạy S cầm chén ném theo.

+*Bị cáo N*: Tại các bản tự khai bị cáo N đều khai vào tối ngày 17/06/2023 có phụ quán cho H, thấy 3 khách trong tình trạng say xỉn to tiếng với bàn nhậu, hai bên lời qua tiếng lại; lúc N ra dắt xe cho khách thấy hai bên cầm chén ly ném nhau, nên bị cáo mới ôm Q và dùng tay, chân đánh anh Q. Tại Biên bản hỏi cung ngày 17/01/2024, bị cáo N khai khi đánh nhau các bị cáo không bàn bạc, thống nhất với nhau việc đánh H4, T5, Q. Vì vậy, lời khai của bị cáo N cho rằng bị cáo H là đối tượng cầm đầu tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 17/03/2024 là không có căn cứ, mâu thuẫn với chính những lời khai ban đầu của bị cáo N. Căn cứ nội dung các video thấy bị cáo N cùng T6 đuổi đánh, đè anh Q xuống đường, rồi cả hai dùng tay, chân liên tục đánh anh Q với tốc độ nhanh, mạnh, quyết liệt, nên xác định bị cáo N có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực.

+*Bị cáo H*: Tại thời điểm trước khi xảy ra vụ việc đánh nhau và gây rối thì chính bị cáo H đã đứng ra giải quyết mâu thuẫn, H đã ra đón khách, sắp bàn mời nhóm khách của bị hại rồi phân công chị L2 phục vụ. Khi Q và T5 cãi nhau với L thì H đã đến can ngăn, H đã xin lỗi các anh Q, T5 và yêu cầu L phải xin lỗi, Sau khi đánh nhau, H4 đi bộ quay lại tiếp tục có lời nói, thái độ thách thức với H thì H vào trong lấy gậy bóng chày vụt vào lưng của H4. Có căn cứ xác định bị cáo H là chủ quán đã thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng cùng các nhân viên phụ quán của mình đã trực tiếp dùng gậy, tay đánh anh T5, đánh anh H4, nên cần xử H mức án tương xứng với bị cáo L, N.

Xem xét vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện cùng các đối tượng liên quan trong vụ án là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương;

Bị cáo S hai lần bị kết án về tội phạm hình sự; nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cao hơn các bị cáo khác nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo H, L, N có hình vi tính chất, mức độ tương xứng nhau nên có hình phạt như nhau.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với thương tích của anh T5, H4 các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự; Gia đình bị cáo S có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì vì thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Bố bị cáo N là cựu chiến binh được ghi nhận công lao trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Bố bị cáo L bị bệnh nặng K (ung thư) và trong vụ án xác định người có lỗi trước là bị hại và người liên quan khi lựa chọn hành vi ứng xử không văn minh, lịch sự với người khác tại nơi quán ăn đông người. Căn cứ lời khai của anh Lương Văn T5 xác nhận trước khi đến quán nhậu tiếp thì Nguyễn Huy H4 và Đỗ Minh Q đã nhậu từ trước và hơi say. Vì vậy, tất cả các bị cáo đều được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo S đã một lần bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét bị hại và những người liên quan cũng có lỗi khi gây sự trước khiến mâu thuẫn xảy ra, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với các bị cáo.

[7]. Về hình phạt:

Xét bị cáo S tự ý rủ thêm ba đối tượng đi cùng giúp sức, khi thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp sử dụng hung khí, bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngoài ra nhân thân còn bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, nên cần xử phạt bị cáo S hình phạt tù mức án cao nhất.

Xét bị cáo L là người gây ra mâu thuẫn với nhóm bị hại, khi thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp sử dụng hung khí;

Xét bị cáo N giúp sức với vai trò tích cực; nên xử phạt các bị cáo L, N hình phạt tù nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét bị cáo H: Có vai trò như bị cáo N, L, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để cho bị cáo H được hưởng án treo là chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 03/VBHN ngày 10/07/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự. Do đó cần phải xử phạt hình phạt tù tương đương với bị cáo N, L và không cho hưởng án treo.

[8]. Về án phí hình sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Các bị cáo phải nộp án phí 200.000 đồng;

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, 357, điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, L, N; Chấp nhận một phần kháng nghị; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

+Xử phạt Phạm Thanh L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến ngày 26/04/2024.

+Xử phạt Lê Văn N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 26/04/2024.

+Xử phạt Lê Mạnh H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.Áp dụng: Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

+Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần S {Giữ nguyên mức xử phạt của bản án sơ thẩm, xử phạt: T (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến ngày 28/05/2024}.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng)

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần S, Phạm Thanh L, Lê Văn N, Lê Mạnh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng)

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/4/2026.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TAND khu vực 11 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 11 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 11 - TP.HCM;
- Các Bị cáo;
- Lưu. (55)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hoàng Anh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN - THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hiếu

Phạm Trung Dũng

Trịnh Hoàng Anh

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam khu vực Vũng Tàu – Trại tạm giam số 1, Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày.....).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TAND khu vực 11 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 11 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 11 - TP.HCM;
- Các Bị cáo;
- Lưu. (55)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hoàng Anh

Trịnh Hoàng Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Điền;
- VKSND huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Bị cáo;
- Lưu: Tòa Hình sự, Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ly

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thái Hùng Huỳnh Ngọc Thiện

Nguyễn Thị ly